

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
T PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 09/9/2020.

V/v “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại  
về tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ SÓC TRĂNG**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Bích Khiêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phơ.

2. Ông Hà Hữu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Toà án nhân dân T phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Sóc Trăng:*** Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân T phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số 499, đường NKKN, khóm M, phường B, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:***

+ Ông Dương M, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 513, đường NKKN, khóm N, phường B, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Dương M là:*** Ông Phan Văn P, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số 175, đường LTT, ấp NÔ, thị trấn HHN, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Triệu Hớn C, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số 202, đường LTK, khóm M, phường B, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 513, đường NKKN, khóm N, phường B, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Mai Thị H, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 396, Quốc lộ M, khóm N, phường 7B, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Sáng ngày 22/7/2019, ông Dương M và ông Triệu Hón C đã đem xe cuốc và một số công nhân dùng máy cưa cắt phá toàn bộ cây cối trong vườn nhà ông. Trong lúc ông không có ở nhà, con của ông có ra ngăn cản nhưng không được. Thì lúc đó ông T từ chợ về đến nhà ra tiếp tục ngăn cản, nhưng họ không chịu ngưng. Đến một lúc sau có ông Tô Hoàng A – trưởng BND khóm 5 đến yêu cầu tạm ngưng và mời tất cả người có liên quan lên UBND phường 7, T phố Sóc Trăng làm việc, họ mới chịu ngưng cắt phá.

Đến lúc 14 giờ 15 phút cùng ngày, UBND phường 7, Thành phố Sóc Trăng cử người đến kiểm tra hiện trạng theo yêu cầu của ông T. Số lượng cây được xác định theo biên bản do chủ tịch UBND phường 7 - Nguyễn Trường H ký.

Đến ngày 30/7/2019 lúc 14 giờ, UBND phường 7, Thành phố Sóc Trăng đã mời ông Dương M, ông Triệu Hón C và ông T đến hòa giải. Trong việc hòa giải không T vì bên sai phạm chỉ đồng ý bồi thường 5.000.000đ trên mức yêu cầu của ông T là 41.500.000đ.

Các cây trồng gồm: 20 cây mai nhỏ, 01 cây lựu, 01 ao rau muống và 30 cây chuối thì ông T trồng trên phần đất của mẹ ông là bà Nguyễn Thị T, sau này có bản án sơ thẩm số 11/2005/DS-ST ngày 14/9/2005 và bản án phúc thẩm số 501/2005 ngày 29/12/2005 của Tòa án thì giao cho em ông là bà Trần Thị D nhưng trước đó Tòa án giao ông T quản lý đất. Đến năm 2007 thì ông Tuấn chuyển đi và để lại cho ông trồng trọt cho đến nay (chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không có làm biên bản hay ai chứng kiến). 01 cây Lựu thì không ai trồng vì cây này mọc ra từ trái của cây Lựu lớn do mẹ ông trồng trên phần đất của mẹ ông. Còn cây mai lớn trồng ở trên đất của ông. Mặc dù cây Lựu ông không trực tiếp trồng nhưng ông có công chăm sóc.

Đối với 20 cây mai nhỏ thì ông trồng 04 hàng và mỗi hàng là 06 cây. Do có hao hụt nên chỉ còn 20 cây, ông trồng giữa phần đất chứ không có làm hàng rào.

Ông T thống nhất theo biên bản về việc kiểm tra hiện trạng theo tờ tường trình của ông Trần Văn T lập ngày 22/7/2019 tại phần đất kế nhà 499. Tuy nhiên, trong biên bản thể hiện 02 cây mai nhỏ nhưng còn một số cây mai khác do không thấy nên ghi cây tạp.

Ông T đã nhận được kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá ngày 13/5/2020, nhưng ông không thống nhất giá trị định giá vì giá quá thấp nhưng ông không yêu cầu cơ quan khác định giá.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương M và Trần Hón C bồi thường thiệt hại cây hoa màu cho ông tổng các loại cây trồng với giá là 41.500.000đ (Bốn mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng). Cụ thể như sau:

- 20 cây mai nhỏ trị giá 1.500.000đ/cây = 30.000.000đ
- 01 cây lựu trị giá = 4.000.000đ
- 01 cây mai lớn trị giá = 4.000.000đ
- 01 ao rau muống trị giá = 2.000.000đ
- 30 cây chuối trị giá 50.000đ/cây = 1.500.000đ.

- *Tại văn bản ý kiến các ngày 09/9/2019; 14/10/2019; 07/8/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Dương M trình bày:*

Nguồn gốc phần đất mà ông M thuê xe cuốc san lấp mặt bằng mà ông T cho rằng gây thiệt hại tài sản hoa màu của ông T là phần đất trước đây là của bà Trần Thị D chuyển nhượng cho bà Trần Thị L đến tháng 6 năm 2004 chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích đất cho bà Mai Thị H và bà H chuyển nhượng hết toàn bộ thửa đất cho bà Trần Thị Bích L (vợ ông Dương M) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 536 khi mua đất có đo đạc, phần đất của ông C cặp ranh với đất của ông T và tới phần đất của ông. Khi ông M mua đất thì phần đất này toàn là cây cối um tùm chỉ có vài cây chuối (không rõ bao nhiêu cây) và một cây gòn.

Ngày 22/7/2019 ông M đem xe cuốc xuống san lấp mặt bằng, ông có trình ông Tô Hoàng A trưởng ban nhân dân khóm 5 để cho ông T biết vì trước đây ông T thường xuống phần đất của ông M gây khó dễ, khi ông M tiến hành việc san lấp mặt bằng thì ông T có ra ngăn cản và báo Ủy ban nhân dân phường 7, Ủy ban nhân dân Phường 7 xuống giải quyết và lập biên bản.

Ông M đồng ý kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá ngày 13/5/2020. Ông M đồng ý cùng ông Triệu Hón C bồi thường cho ông T cây mai lớn phía trước nhà ông T số tiền là 700.000 đồng và bồi thường 30 cây Chuối với giá 50.000 đồng/cây với giá trị là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 2.200.000 đồng. Ngoài ra ông M không đồng ý bồi thường gì thêm.

- *Tại văn bản ý kiến các ngày 10/9/2019; 14/10/2019; 07/8/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Triệu Hón C trình bày:*

Ngày 18/7/2019 ông C chuyển nhượng phần đất của bà Mai Thị H được Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 535. Khi mua thì mua toàn bộ phần đất trống chứ không có nhà trên đất chỉ có cây cối um tùm trên đất chứ không thấy cây mai gì trên đất, phần đất này giáp ranh với đất ông T.

Khi ông C xuống nhận đất thì gặp ông T và ông T có nói đây là phần đất tranh chấp. Tuy nhiên ông C mua phần đất này có giấy tờ hợp pháp, nên ông có kêu ông T là ông muốn dọn hay thu hoạch cây cối gì trên đất thì thu hoạch chứ không sau này ông về dọn đất.

Những cây cối trên đất thì ông cũng không biết cây gì vì cây cỏ um tùm trên phần đất. Ông chỉ thấy có mấy cây Chuối và hai cây dừa chứ không thấy cây mai gì trên đất.

Đến ngày 22/7/2019 thì ông C kêu xe lại dọn cỏ trên phần đất thì ông T ngăn cản với lý do ông T nói là phần đất đang tranh chấp. Sau đó ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 7 giải quyết. Ông C không biết Ủy ban nhân dân phường 7 có lập biên bản gì hay không, chỉ nhớ Ủy ban nhân dân phường 7 động viên hai bên và kêu ông về làm tường trình gửi cho Ủy ban nhân dân phường 7. Lúc hòa giải ở Ủy ban nhân dân phường 7 thì ông C có nói đồng ý cho ông T 5.000.000 đồng, nhưng ông T không đồng ý. Nay ông không đồng ý cho 5.000.000 đồng nữa.

Ông C đồng ý kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá ngày 13/5/2020. Ông C đồng ý cùng với ông Dương M bồi thường cho ông T cây mai lớn phía trước nhà ông T số tiền là 700.000 đồng và bồi thường 30 cây Chuối với giá 50.000 đồng/cây với giá trị là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 2.200.000 đồng. Ngoài ra ông không đồng ý bồi thường gì thêm.

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích L trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Dương M là chồng của bà. Phần đất này hiện nay bà đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà L không có ý kiến gì.

- *Tại các văn bản ngày 07/8/2020, 31/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H trình bày:* Phần đất bà H chuyển nhượng cho ông M, ông C là trước đây vào năm 2004 bà H mua của bà Trần Thị L lúc đó là đất trống. Sau khi mua bà H không sử dụng cho tới sau này bà chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Bích L (vợ ông M) với ông Triệu Hớn C chứ bà không sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không có ý kiến gì.

- *Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Phan Văn P:* Nguồn gốc đất không phải của ông T, tại phiên Tòa ông T thừa nhận phần đất này không phải của ông, ông chỉ trồng các cây hoa màu tạm thời để kiếm sống. Do đó việc ông T yêu cầu ông Dương M và ông Triệu Hớn C bồi thường thiệt hại tài sản là không có

căn cứ. Nhưng tại phiên tòa ông Dương M, ông Triệu Hón C tự nguyện bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 2.200.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Dương M và ông Triệu Hón C đồng ý bồi thường cho ông Trần Văn T cây mai lớn phía trước nhà ông T số tiền là 700.000 đồng và bồi thường 30 cây Chuối với giá 50.000 đồng/cây với giá trị là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 2.200.000 đồng. Ông Dương M bồi thường 1.100.000 đồng, ông Triệu Hón C bồi thường 1.100.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản là các cây trồng, bị đơn ông Dương M có nơi cư trú số 513, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, khóm 5, phường 7, T phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và bị đơn ông Triệu Hón C có nơi cư trú Số 202, đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 4, T phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Sóc Trăng.

[2.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mai Thị H

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn ông Dương M và ông Triệu Hón C bồi thường thiệt hại cây hoa màu cho nguyên đơn tổng các loại cây trồng với giá là 41.500.000đ (Bốn mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng). Cụ thể như sau: 20 cây mai nhỏ trị giá 1.500.000đ/cây = 30.000.000đ; 01 cây lựu trị giá = 4.000.000đ; 01 cây mai lớn trị giá = 4.000.000đ; 01 ao rau muống trị giá = 2.000.000đ; 30 cây chuối trị giá 50.000đ/cây = 1.500.000đ. Ông T cho rằng đối với 20 cây mai nhỏ ông trồng 04 hàng, mỗi hàng là 06 cây do có hao hụt nên chỉ còn 20 cây; 01 cây lựu không ai trồng vì cây



này mọc ra từ trái của cây lựu lớn do mẹ ông trồng, mặc dù ông không trực tiếp trồng cây lựu nhưng ông có công chăm sóc, cây mai lớn trước cửa nhà ông trên đất của ông. Nhưng bị đơn ông Dương M và ông Triệu Hón C cho rằng hai ông san lấp mặt bằng trên đất của hai ông mới chuyển nhượng từ bà Mai Thị H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này giáp ranh với đất của ông Trần Văn T, trước khi cho xe cuốc vào san lấp thì bị đơn có nói với trưởng ban nhân dân khóm 5 để kêu ông T thu hoạch các cây trên đất, ông T không thu hoạch thì ông M và ông C tiến hành san lấp mặt bằng, khi san lấp ông M, ông C cũng có thấy một số cây chuối, làm ngã cây trúng cá trúng vào cây mai lớn trước nhà ông T.

[2.2] Xét thấy, việc nguyên đơn thừa nhận các cây ông trồng, ông chỉ trồng tạm để kiếm sống, chứ không phải trồng trên đất của ông mà là phần đất của mẹ ông là bà Nguyễn Thị T sau này có bản án sơ thẩm số 11/2005/DS-ST ngày 14/9/2005 và bản án phúc thẩm số 501/2005 ngày 29/12/2005 của Tòa án và giao cho em ông là bà Trần Thị D nhưng trước đó giao cho ông T quản lý đất đến năm 2007 ông T chuyển đi và để lại cho ông trồng trọt cho đến nay (chỉ thỏa thuận miệng không có làm biên bản hay ai chứng kiến) và các cây trồng mà ông yêu cầu cũng thể hiện ông chỉ trồng trên đất trống không có làm hàng rào bao xung quanh, cây lựu do mọc từ trái của cây lựu lớn chứ ông cũng không bỏ chi phí ra trồng còn ao rau muống thì khi tiến hành thẩm định và tại phiên Tòa ông T cũng thừa nhận đây là kênh thủy lợi đến mùa mưa thì đọng nước và rau muống mọc lên chứ không phải một cái ao mà ông đào và thả rau muống xuống trồng và hiện nay phần đất ông T trồng các cây hoa màu này đã chuyển nhượng cho ông Dương M và ông Triệu Hón C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước khi bị đơn đến san lấp mặt bằng thì cũng báo cho ông T thu hoạch các cây trồng nhưng ông không thực hiện, việc ông Trần Văn T trồng cây trên đất của người khác là vi phạm. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản là không đủ căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về mức bồi thường thiệt hại:

[3.1] Giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá tại biên bản ngày 13/5/2020 thì các cây và gốc do hiện trạng không có nên không phân loại được, không tiến hành định giá được; chỉ còn cây mai lớn trước nhà ông T giá trị là 700.000 đồng và 02 cây chuối loại A 50.000 đồng/cây; 02 cây chuối loại B 35.000 đồng/cây.

[3.2] Do cây bị chặt phá và số cây không còn hiện trạng nên không có căn cứ xác định giá trị theo lời trình bày của nguyên đơn, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đồng thời theo biên bản ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường 7 lập tại hiện trạng chỉ thể hiện 30 cây chuối ; 01 cây lựu; 02 cây mai bị cuốc gốc

lên và làm ngã phá các loại cây ngã xuống, các loại cây tạp ngã xuống làm hư ao rau muống nhưng không phân loại được các loại cây là loại gì và bị đơn cũng không thừa nhận vì khi lập biên bản không có mặt của bị đơn và bị đơn cũng không có ký tên vào biên bản nhưng bị đơn ông M và bị đơn ông C chỉ đồng ý bồi thường cho ông T cây mai lớn phía trước nhà ông T số tiền là 700.000 đồng và bồi thường 30 cây Chuối với giá 50.000 đồng/cây với giá trị là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 2.200.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị đơn ông M, bị đơn ông C và thống nhất áp dụng mức giá theo Hội đồng định giá tại biên bản ngày 13/5/2020 để xác định mức giá trị bồi thường thiệt hại, cụ thể: 01 cây mai lớn giá trị là 700.000 đồng và 30 cây chuối có giá trị 50.000 đồng/cây với giá trị là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 2.200.000 đồng. Ông Dương M bồi thường số tiền 1.100.000 đồng, ông Triệu Hớn C bồi thường số tiền 1.100.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá: Là 1.150.000 đồng. Nguyên đơn ông Trần Văn T phải chịu theo quy định khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản của bị đơn ông Dương M và bị đơn ông Triệu Hón C bồi thường cho ông Trần Văn T. Ông Dương M bồi thường số tiền 1.100.000 đồng và ông Triệu Hón C bồi thường số tiền 1.100.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Dương M và ông Triệu Hón C chậm trả số tiền nêu trên cho ông T, thì ông Dương M và ông Triệu Hón C còn phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian trả chậm tại thời điểm thanh toán.

4. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Trần Văn T phải chịu là 1.150.000 đồng. Do nguyên đơn ông Trần Văn T đã tạm ứng trước chi phí thẩm định, định giá số tiền 1.150.000đ theo phiếu thu số T023 ngày 28/02/2020. Ông T đã thực hiện xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn T phải chịu là 300.000 đồng. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nên ông Trần Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TpST;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự TPST,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
đã ký

**Lý Bích Khiêm**





